

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

Số: 583/QĐ-TMDL

Hà Nội, ngày 05 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Miễn học phí học kỳ I năm học 2025 – 2026
đối với học sinh, sinh viên Cao đẳng khóa 15, 16 và Trung cấp khóa 59**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 5689/2008/QĐ - BGDDT ngày 01/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội trên cơ sở trường Trung học Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1670/2022/QĐ - UBND ngày 17/05/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội;

Căn cứ Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 252/QĐ - TMDL ngày 01/08/2023 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 1 năm 2023; Quyết định số 293/QĐ - TMDL ngày 05/09/2023 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 2 năm 2023; Quyết định số 492/QĐ - TMDL ngày 14/11/2023 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 3 năm 2023; Căn cứ Quyết định số 177/QĐ - TMDL ngày 02/5/2024 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 1 năm 2024; Quyết định số 339/QĐ - TMDL ngày 08/08/2024 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 2 năm 2024; Quyết định số 453/QĐ - TMDL ngày 27/9/2024 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 3 năm 2024; Quyết định số 563/QĐ - TMDL ngày 13/11/2024 về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đợt 4 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 486, 487 và 488/QĐ-TMDL ngày 25/9/2025 của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội về việc xét điều kiện sinh viên được học tiếp, cảnh báo học tập và buộc thôi học Hệ Cao đẳng khóa 15, 16 và Hệ Trung cấp khóa 59 học kỳ I năm học 2025 -2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác học sinh - sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn học phí học kỳ I (05 tháng), năm học 2025 - 2026 đối với 108 học sinh, sinh viên Cao đẳng khóa 15, 16 và Trung cấp khóa 59 trong đó:

- Cao đẳng khóa 15 có: 01 sinh viên là người khuyết tật; 03 sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; 01 sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người.

- Cao đẳng khóa 16 có: 04 sinh viên là người khuyết tật; 02 sinh viên mồ côi cả cha và mẹ; 04 sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo; 01 sinh viên là con của người bị nhiễm chất độc hóa học.

- Trung cấp khóa 59 có: 92 học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Trưởng phòng Công tác học sinh - sinh viên, các đơn vị có liên quan, GVCN/CVHT và các em học sinh, sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (để báo cáo);
- Như điều 2 (để thực hiện);
- Lưu VT, CT HSSV.


HIỆU TRƯỞNG *[Signature]*
Trịnh Thị Thu Hà

DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP KHÓA 59
ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 583/QĐ - TMDL, ngày 05 tháng 11 năm 2025)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức thu học phí/tháng	Mức được giảm/tháng theo ND 238	Số được giảm/tháng theo ND 238	Số tháng	Thành tiền được miễn/kỳ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	NCB59018	Đinh Thế An	25/05/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
2	NCB59009	Dư Bảo Anh	21/08/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
3	NCB59011	Phạm Châu Anh	14/10/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
4	NCB59023	Trần Hoàng Anh	23/07/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
5	NCB59005	Trần Phương Anh	06/01/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
6	NCB59006	Trần Phương Anh	16/11/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
7	NCB59020	Vũ Tuệ Anh	22/02/2007	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
8	NCB59010	Nguyễn Gia Bảo	29/10/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
9	NCB59003	Nguyễn Minh Châu	07/03/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
10	NCB59004	Vũ Yến Chi	13/04/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
11	NCB59012	Hoàng Minh Hòa	03/04/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
12	NCB59019	Trần Quốc Hoàng	13/03/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	

13	NCB59013	Trần Tuấn Hùng	07/02/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
14	NCB59024	Nguyễn Thị Phương Liên	1/1/10/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
15	NCB59007	Trần Bảo Minh	04/07/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
16	NCB59017	Bùi Thái Thịnh Mỹ	26/10/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
17	NCB59002	Hoàng Nguyễn Bảo Ngân	22/05/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
18	NCB59027	Vũ Khánh Ngọc	09/05/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
19	NCB59014	Trang Quỳnh Như	30/09/2008	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
20	NCB59022	Thăng Minh Phúc	16/10/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
21	NCB59016	Bùi Anh Quân	30/10/2005	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
22	NCB59025	Khổng Hoàng Sơn	24/09/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
23	NCB59001	Vũ Cường Thịnh	08/03/2008	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
24	NCB59028	Nguyễn Minh Trang	15/01/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
25	NCB59008	Ngô Thanh Tùng	15/10/2009	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
26	MA 59003	Lê Trương Hoàn	17/08/2003	NCB 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	2,018,400	1,700,000	1,700,000	5	8,500,000	
27	NKSS59001	Đỗ Hồng Ân	01/04/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
28	NKSS59002	Đỗ Đăng Hữu Anh	31/10/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
29	NKSS59003	Phạm Tuấn Anh	24/08/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
30	NKSS59004	Vũ Minh Anh	09/06/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
31	NKSS59005	Nguyễn Hùng Bách	08/12/2008	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	

32	NKS59006	Đoàn Vi Quỳnh Chi	28/12/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
33	TKS 59002	Nguyễn Thị Thùy Chang	23/10/2003	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
34	NKS59007	Phạm Kiên Định	16/04/2008	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
35	NKS59008	Nguyễn Hải Giang	01/06/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
36	NKS59010	Đoàn Trung Hiếu	04/12/2008	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
37	NKS59011	Lê Tùng Lâm	21/12/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
38	NKS59012	Nguyễn Sơn Lâm	29/10/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
39	NKS59014	Nguyễn Thu Ngân	30/06/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
40	NKS59016	Nguyễn Minh Nguyệt	23/10/1999	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
41	NKS59017	Trần Vũ Minh Quân	18/12/2007	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
42	NKS59018	Chu Thị Thúy Quỳnh	08/03/2004	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
43	NKS59026	Chu Thái Sơn	26/08/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
44	NKS59019	Lê Ngọc Thanh	05/11/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
45	NKS59020	Lê Văn Thi	03/09/2001	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
46	NKS59021	Bùi Đức Huy Thiện	22/09/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
47	NKS59023	Lê Minh Trí	02/10/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
48	TKS59001	Phạm Gia Trọng	26/04/2007	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
49	NKS59024	Nguyễn Thục Uyên	09/09/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	
50	NKS59025	Nguyễn Hải Yến	09/11/2009	NKS 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,284,000	1,700,000	1,700,000	5	6,420,000	

51	NTT59003	Giảng Thị Dưa	27/11/2009	NTT 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,121,000	1,360,000	1,121,000	5	5,605,000	
52	NTT59011	Sông Thị Dưa	23/09/2009	NTT 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,121,000	1,360,000	1,121,000	5	5,605,000	
53	NTT59015	Mai Thanh Hà	20/05/2009	NTT 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,121,000	1,360,000	1,121,000	5	5,605,000	
54	NTT59004	Thảo A Hải	23/03/2009	NTT 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,121,000	1,360,000	1,121,000	5	5,605,000	
55	NTT59005	Sùng Thị Ia	17/04/2008	NTT 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,121,000	1,360,000	1,121,000	5	5,605,000	
56	NTT59016	Lê Vũ Mạnh	20/07/2005	NTT 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,121,000	1,360,000	1,121,000	5	5,605,000	
57	NTT59012	Chảo Thị Mưng	01/09/2009	NTT 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,121,000	1,360,000	1,121,000	5	5,605,000	
58	NTT59007	Giảng Minh Tân	30/10/2009	NTT 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,121,000	1,360,000	1,121,000	5	5,605,000	
59	NTT59008	Hoàng Thị Thi	28/01/2009	NTT 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,121,000	1,360,000	1,121,000	5	5,605,000	
60	NTH59049	Mua Lan Anh	24/04/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
61	NTH59042	Giảng Thị Ánh	01/10/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
62	NTH59003	Nguyễn Hải Đăng	25/12/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
63	NTH59004	Phạm Hiền Diệu	06/05/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
64	NTH59005	Vàng Xuân Định	20/01/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
65	NTH59007	Lù Thị Dứa	21/06/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
66	NTH59008	Thảo Thị Dung	23/02/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
67	NTH59043	Chang A Dũng	10/12/2008	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
68	NTH59010	Thảo Seo Hiền	23/01/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
69	NTH59012	Giảng Thị Thúy Hoa	01/11/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	

70	NTH59046	Thào Thị Hoa	03/05/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
71	NTH59013	Chánh Thị Hương	03/10/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
72	NTH59015	Cử Văn Kỳ	14/10/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
73	NTH59016	Thào Thị Liên	23/10/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
74	NTH59018	Giảng Thị Ly	10/11/2007	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
75	NTH59019	Nguyễn Hải Ly	18/01/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
76	NTH59021	Mùa Thị Mai	11/04/2008	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
77	NTH59022	Trần Bình Minh	22/06/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
78	NTH59024	Ma Thị Na	12/03/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
79	NTH59045	Phan A Náy	18/06/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
80	NTH59025	Hằng Thị Nga	15/11/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
81	NTH59027	Chánh Thị Nhung	25/07/2008	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
82	NTH59028	Vũ Thị Pà	28/07/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
83	NTH59029	Giảng Thị Phê	08/04/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
84	NTH59030	Giảng Thị Phua	02/11/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
85	NTH59031	Giảng Thị Phương	08/08/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
86	NTH59044	Thao Văn Phương	27/07/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
87	NTH59032	Chánh Thị Pôi	31/07/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
88	NTH59033	Giảng A Sênh	14/06/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	

89	NTH59034	Cù Thị Sơ	10/03/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
90	NTH59050	Hàng Thị Sua	16/04/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
91	NTH59037	Châu Thị Sung	15/03/2009	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
92	NTH59040	Vũ Văn Tiến	05/04/2008	NTH 59A	TN THCS học tiếp lên trình độ trung cấp	1,380,000	1,360,000	1,360,000	5	6,800,000	
										649,925,000	

Bảng chữ: Sáu trăm bốn mươi chín triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng./.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Chúc

Nguyễn Thị Thanh Chúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KHÓA 15
ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 583/QĐ - TMDL, ngày 05 tháng 11 năm 2025)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức thu học phí/tháng	Mức được giảm/tháng theo ND 238	Số tháng	Thành tiền được miễn/kỳ	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CB15152	Đình Hoàng Hải	08/01/2005	KTCB15C	DT Mường- hộ nghèo	1,335,600	1,700,000	5	6,678,000	1043595933	Vietcombank	
2	KS 15068	Hoàng Văn Thiết	02/04/2005	QTKS 15B	DT Nùng - hộ nghèo	1,526,400	1,700,000	5	7,632,000	418888689999	MB Bank	
3	DT 15221	Trần Duy Đức Anh	17/07/2005	TMĐT 15C	Khuyết tật	1,742,500	1,360,000	5	6,800,000	0177205221005	MB Bank	
4	DL15093	Vàng Thị Quỳnh	25/06/2003	QTDL15B	DT Tây - hộ cận nghèo	1,621,800	1,700,000	5	8,109,000	2225062003	MB Bank	
5	DL 15021	Lân Thị Hiền	12/09/2005	QTDL 15A	DT rất ít người Pà Thẻn	1,621,800	1,700,000	5	8,500,000	9936583184	Vietcombank	
		Cộng							37,719,000			

Bảng chữ: Ba mươi bảy triệu bảy trăm mười chín nghìn đồng./.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Chúc

Nguyễn Thị Thanh Chúc

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG
THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG KHÓA 16
ĐƯỢC MIỄN 100% HỌC PHÍ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2025 - 2026
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 583/QĐ - TMDL, ngày 05 tháng 11 năm 2025)

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức thu học phí/tháng	Mức được giảm/tháng theo ND 238	Số tháng	Thành tiền được miễn/kỳ	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	CB 16115	Trần Quang Minh	18/05/2006	KTCB 16C	Khuyết tật	2,323,600	1,700,000	5	8,500,000	0989225830	MB Bank	
2	CB 16052	Nguyễn Quang Sáng	30/03/2006	KTCB 16B	Khuyết tật	2,323,600	1,700,000	5	8,500,000	66688 83004 2006	MB Bank	
3	CB15086	Vũ Gia Nghĩa	15/01/2005	KTCB16B	Con mồ côi	2,323,600	1,700,000	5	8,500,000			
4	HD16037	Trần Văn Thương	14/03/2006	HDDL 16A	Con mồ côi	1,526,400	1,700,000	5	7,632,000	0566513303	MB Bank	
5	KTM 16050	Nguyễn Phương Thủy	17/02/2006	KDTM 16A	Khuyết tật	1,272,000	1,360,000	5	6,360,000	0334574696	MB Bank	
6	KTM16051	Đinh Thị Thêu	11/10/2006	KDTM16A	DT Tây - hộ nghèo	1,272,000	1,360,000	5	6,360,000	0328829363	MB Bank	
7	KT 16040	Bùi Hương Giang	02/12/2006	KT 16A	Con chất độc hóa học	1,466,080	1,360,000	5	6,800,000	21220068686	MB Bank	
8	KT 16051	Cao Thanh Phương	13/10/2006	KT 16A	Khuyết tật	1,466,080	1,360,000	5	6,800,000	4444123422222	MB Bank	
9	TA16010	Vàng Thị Súa	02/05/2021	TA16A	DT Mông - hộ nghèo	1,466,080	1,360,000	5	6,800,000	0825061109	MB Bank	
10	TA16014	Sùng Thị Dung	17/10/2006	TA16A	DT Mông - hộ nghèo	1,466,080	1,360,000	5	6,800,000	0386217103	MB Bank	
11	DL16091	Phùng Quang Duy	14/05/2006	QTDL16B	DT Nùng - hộ nghèo	1,580,800	1,700,000	5	7,904,000	00822086966	MB Bank	
		Cộng							80,956,000			

Bảng chữ: Tám mươi triệu chín trăm lẻ năm nghìn đồng./.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thanh Chúc

Nguyễn Thị Thanh Chúc



